

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N. Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí H - chức vụ: Phó Chủ tịch. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Trịnh Thị Bích K - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố N. Có mặt.

- Ông Nguyễn Quang Đan T - Chức vụ: Công chức địa chính UBND xã V. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc C - Chức vụ: Công chức địa chính UBND phường P. Có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã V. Địa chỉ nơi làm việc: Thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quang Đan T - Chức vụ: Công chức địa chính UBND xã V. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2.3. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí H - chức vụ: Phó Chủ tịch. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trịnh Thị Bích K - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố N. Có mặt.

2.4. Ủy ban nhân dân (UBND) xã V

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn M - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quang Đan T - Chức vụ: Công chức địa chính UBND xã V. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và Lê Thị T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 151, tờ bản đồ 24 (trước đây là các thửa 297, 322, 333, 324, tờ bản đồ 05 xã V năm 1996) có được là do ông bà của ông L, bà T để lại cho con cháu từ năm 1973. Gia đình ông, bà là người trực tiếp canh tác, sử dụng liên tục từ trước đến nay. Trong đó, thửa 297 (920m²) gia đình ông L, bà T đang canh tác và thửa 324 (135m²) có 14 ngôi mộ của người thân trong gia đình không thuộc đất 5%, không có trong danh sách tại Biểu thống kê chi tiết các

thửa đất công ích (đất 5%) UBND xã V quản lý do Thanh tra tỉnh Khánh Hòa sao y bản chính ngày 27/11/2019. Năm 2017, ông bà đã nhiều lần đến UBND xã V để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã V trả lời không cấp giấy chứng nhận được vì thuộc đất 5%. Do đó, ông bà đã có Đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND xã V giải quyết khiếu nại lần đầu bằng Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 và Chủ tịch UBND thành phố N giải quyết khiếu nại lần 02 bằng Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019. ông L, bà T cho rằng hai quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy hai quyết định nêu trên. Đồng thời, buộc ủy ban nhân dân xã V và ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện hành vi hành chính: xác định thửa đất số 297 (920m²), thửa số 324 (135m²) tờ bản đồ số 05 không thuộc đất công ích (đất 5%); Kiến nghị ủy ban nhân dân thành phố N công nhận quyền dụng đất hai thửa đất này cho ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T.

** Người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân xã V và ủy ban nhân dân xã V thống nhất trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, theo Danh sách sản lượng nhận khoán đất 5% năm 2000 thể hiện nội dung tên người thuê đất và sản lượng giao theo Kg, tiền cụ thể như sau: Thửa 297, TĐĐ 05 loại đất ĐM, tực danh Đất Lớn 1, hộ gia đình ông Nguyễn Văn L nhận khoán với diện tích 920m², phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho hợp tác xã V theo sản lượng giao là 36,8kg, quy thành tiền là 62.560đ. Đồng thời, năm 2005 UBND xã có Danh sách tổng hợp đất 5% xã V, tại số thứ tự 46, thể hiện tên ông Nguyễn L, tực danh Đất Lớn 1, thửa 297, TĐĐ 05, diện tích 920m² theo bản tổng hợp diện tích đất 5% ngày 28/10/2005 có xác nhận UBND xã V thì ông Nguyễn L (còn gọi là ông Nguyễn Văn L). Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T đã yêu cầu ủy ban nhân dân xã V xác nhận nguồn gốc đất không phải là đất 5% đối với thửa đất số 297 (920m²), thửa số 324 (135m²) tờ bản đồ số 05 như nêu trên. Yêu cầu của ông L, bà T không có cơ sở nên không được xác nhận. Ông L, bà T đã khiếu nại và Chủ tịch ủy ban nhân dân xã V giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác khiếu nại. Nay ông L, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 77/QĐ- UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã V và yêu cầu Tòa án buộc ủy ban nhân dân xã V xác định thửa đất số 297 và thửa đất số 324 tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất 5%.

** Người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N và ủy ban nhân dân thành phố N thống nhất trình bày:*

Năm 1979, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại tực danh Đất Lớn 1, thôn X, xã V do Hợp tác xã Nông nghiệp V (sau là Hợp tác xã Nông nghiệp kinh

doanh tổng hợp V) quản lý và sử dụng để canh tác hoa màu. Thực hiện Chỉ thị số 04/UB ngày 20/01/1992 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quản lý soát xét điều chỉnh hợp lý diện tích giao khoán cho hộ gia đình xã viên trong Hợp tác xã và Tập đoàn sản xuất nông nghiệp và Hướng dẫn số 713/UB ngày 15/9/1992 của UBND thành phố N “*V/v soát xét điều chỉnh hợp lý diện tích giao khoán cho hộ gia đình xã viên trong hợp tác xã - tập đoàn sản xuất nông nghiệp*”; ngày 17/10/1995, hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp V bàn giao toàn bộ quỹ đất công cho UBND xã V quản lý, với diện tích 25,9983 ha, trong đó tại khu vực Đất Lớn 1 có diện tích 1,0705ha (kèm Biên bản bàn giao đất 5% ngày 17/10/1995. Danh sách diện tích dự phòng và Danh sách hộ nhận khoán đất màu do hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp V lập ngày 06/10/1995).

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 1131/QĐ-UB ngày 17/7/1996 của UBND thành phố N “*Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của UBND xã V từ năm 1996 đến năm 2010*”, năm 1996, UBND xã V đã lập Phương án điều chỉnh theo Nghị định số 64/CP về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của xã V thành phố N. Trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T đã được giao thửa đất số 260, diện tích 1.465m², tờ bản đồ số 5; thửa đất số 613, diện tích 1.640m²; thửa đất số 614, diện tích 1.050m², tờ bản đồ số 4 xã V năm 1996 (theo sổ địa chính xã V năm 2001). Ngày 25/11/2002, UBND xã V có Thông báo số 207/UB “*V/v thu hồi diện tích đất công ích 5%*” (trong đó tại Đất lớn 1, xã V, với diện tích 1,0715ha).

Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 24 (359596-6-a) xã V đã được Sở TNMT phê duyệt ngày 10/01/2015 tương ứng các thửa đất số 297, 322, 333, 324 tờ bản đồ số 5 xã V 1996 thể hiện như sau: Theo sổ dã ngoại năm 1994, thửa đất số 297, diện tích 920m²; thửa đất số 322, diện tích 755m²; thửa đất số 323, diện tích 790m² đều tại khu vực tên tục danh cột xứ đồng ghi Đất Lớn. Toàn, bộ 03 thửa đất trên đã được HTX NN KDTH V bàn giao cho UBND xã V theo Biên bản bàn giao đất 5% ngày 17/10/1995 (năm trong khu vực Đất lớn 1). Hiện nay, các thửa đất trên do UBND xã V quản lý, hiện trạng đất trống.

Đối với thửa 297, tờ bản đồ số 05 xã V ghi loại đất là ĐM do HTX NN KDTH V quản lý và giao khoán cho hộ ông Nguyễn Văn L. Năm 2000, UBND xã V giao sản lượng nhận khoán đất 5% cho hộ ông Nguyễn Văn L với diện tích 920m², sản lượng giao 36,8kg, thành tiền 62.500 đồng (theo Danh sách sản lượng ngày 19/4/2000). Năm 2002, xã V giao sản lượng nhận khoán đất 5% cho hộ ông L, sản lượng giao 36,8kg, thành tiền 44.160 đồng (theo Danh sách sản lượng nhận khoán đất 5% do UBND xã lập năm 2002).

Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 05 xã V, không thuộc đất công do UBND xã V quản lý, hiện trạng trên thửa đất có 14 ngôi mộ đất (theo trình bày của ông Nguyễn Văn L thì 14 ngôi mộ đất trên là của hộ gia đình ông).

Ngày 14/3/2019, ông Nguyễn Văn L có đơn khiếu nại thửa đất số 297 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất 5%. Ngày 20/6/2019, Chủ tịch UBND xã V ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND, bác nội dung khiếu nại lần đầu đối với ông L. Không đồng ý với quyết định nêu trên, ông bà Nguyễn Văn L, Lê Thị T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố N. Ngày 05/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 8908/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thu M lần hai giữ nguyên nội dung Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND xã Vinh Ngọc.

Nay ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L) và bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8908/QĐ-UBND nêu trên, ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất số 297, tờ bản đồ số 05 xã V thuộc đất công ích (đất 5%). Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại là có cơ sở, đúng pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng Điều 204 Luật đất đai; Điều 17, Điều 18 Luật giải quyết khiếu nại; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T đối với yêu cầu buộc ủy ban nhân dân xã V và ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất 297 (920m²), tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất công ích 5%;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T buộc ủy ban nhân dân xã V và ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất 324 (135m²), tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất công ích 5%.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2020 người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Luật sư Vũ Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá về nguồn gốc của thửa đất đang khiếu kiện. Cụ thể, thửa đất 297 và thửa 324 tại xác V là đất của dòng tộc đã được gia đình ông L nhận thừa tự từ nhiều đời. Từ trước giải phóng năm 1975 đến nay gia đình ông L vẫn đang quản lý, sử dụng liên tục, ổn định nên không phải là đất công ích 5% do UBND xã V Quản lý. Việc này có nhiều nhân chứng xác nhận như ông Bùi Văn Lộc là người có đất liền kề; ông Lộc cũng xác định toàn bộ 14 ngôi mộ trên thửa 324 không phải của dòng họ ông mà là của dòng họ ông L.

Toà án cấp sơ thẩm đã bỏ qua các chứng cứ chứng minh thửa đất 297 không phải là đất công ích 5% như cho rằng Kết luận thanh tra nhà nước tỉnh Khánh Hoà số 01/KL-TTT ngày 20/01/2017 kèm theo Biểu thống kê chi tiết các thửa đất công ích (đất 5%) do UBND xã V quản lý có xác nhận và đóng dấu của Chủ tịch UBND xã V ngày 03/11/2016; Công văn (mật) số 08/TTT-P4 ngày 19/02/2020 và Công văn số 170/TTT-P4 ngày 04/5/2020 của Thanh tra nhà nước tỉnh Khánh Hoà cũng thể hiện không phải là đất 5%. Chỉ đến khi vào đầu năm 2018 gia đình ông L khiếu kiện thì UBND xã V cố tình kéo dài không giải quyết; đồng thời để hợp lý hoá, tự thống kê vào Sổ mục kê năm 2018 xác định là đất 5% kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 và cho rằng do quá trình quản lý đất đai có sai sót, hành vi này là vi phạm pháp luật về đất đai. Ngoài ra, còn rất nhiều chứng cứ khác chứng minh đã có trong hồ sơ vụ án như Văn bản xác nhận ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND xã V thể hiện UBND xã không có lưu giữ chứng từ, tài liệu, hoá đơn ông L có ký hợp đồng nhận khoán và nộp sản lượng khoán như đã trình bày.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, bà T, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T.

Ý kiến của bà Trần Thu M: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Theo Danh sách thống kê ngày 17/10/1995 của Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp V bàn giao toàn bộ quỹ đất công cho UBND xã V quản lý, với diện tích 25,9983 ha, trong đó tại khu vực Đất Lớn 1 có diện tích 1,0705ha (kèm Biên bản bàn giao đất 5% ngày 17/10/1995. Danh sách diện tích dự phòng và Danh sách hộ nhận khoán đất màu do hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp V lập ngày 06/10/1995).

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, năm 1996 hộ ông L và bà T đã được giao thửa đất số 260, diện tích 1.465m², tờ bản đồ số 5; thửa đất số 613, diện tích 1.640m²; thửa đất số 614, diện tích 1.050m², tờ bản đồ số 4 xã V UBND xã V và có Thông báo số 207/UB “*V/v thu hồi diện tích đất công ích 5%*” (trong đó tại Đất lớn 1, xã V, với diện tích 1,0715ha).

Đối với thửa 297, tờ bản đồ số 05 xã V ghi loại đất là ĐM do HTX NN KDTH V quản lý và giao khoán cho hộ ông Nguyễn Văn L. Năm 2000, UBND xã V giao sản lượng nhận khoán đất 5% cho hộ ông L với diện tích 920m², sản lượng giao 36,8kg, thành tiền 62.500 đồng, năm 2002 là 36,8kg, thành tiền 44.160 đồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V đều vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân xã V có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V và Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Xét về nguồn gốc đất đang khiếu kiện: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng: theo Bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/01/2015 và đối chiếu kiểm tra với Tờ bản đồ 64 (lập năm 1990 đến 1994) thì thửa đất 151 nguyên trước đây là các thửa đất gồm: thửa 297, 322, 323

và 324, tờ bản đồ 05 xã V. Căn cứ vào Biên bản diện tích đất dự phòng của Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp V ngày 06/10/1995, tổng diện tích đất dự phòng của Hợp tác xã là 25,9983ha, trong đó có diện tích 10.715m² mang tên tục danh Đất Lớn 1. Danh sách các hộ nhận khoán đất màu kèm theo thể hiện phần diện tích mang tục danh Đất Lớn 1 có diện tích giao khoán cho ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L) 920m², ông Phạm Đình Hồng 790m², bà Phạm Thị Thanh Xuân 755m². Căn cứ vào diện tích đất dự phòng nêu trên, Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp đã lập Biên bản bàn giao đất 5% ngày 17/10/1995 cho Ủy ban nhân dân xã V quản lý (trong đó có diện tích mang tên tục danh Đất Lớn 1). Theo Tờ bản đồ 64 và Sổ dã ngoại thống kê lập từ năm 1990 đến 1994 cho thấy các thửa đất số 297, 322, 323, tờ bản đồ 05 xã V đều có nguồn gốc là đất Hợp tác xã (trong đó có thửa đất 297, diện tích 920m² đất màu giao khoán cho ông Nguyễn Văn L). Từ năm 1999 đến năm 2002, danh sách sản lượng nhận khoán đất 5% đều thể hiện diện tích nhận khoán của ông L đối với thửa 297. Diện tích đất này lúc đầu thuộc quỹ đất dự phòng Hợp tác xã, sau đó chuyển thành đất 5% bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã V quản lý. Như vậy, Kết luận Thanh tra số 01/ KL-TTT ngày 20/01/2017 và Công văn số 08/TTT-P4 ngày 19/02/2020 xác định không có thửa đất 297, tờ bản đồ 05 tại xã V thuộc đất công ích (đất 5%) do Ủy ban nhân dân xã V quản lý là xác minh chưa đầy đủ. Do đó, Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn L chỉ xác định thửa đất số 297 tờ bản đồ 05 xã V là đất 5% và Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N công nhận và giữ nguyên Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V là có cơ sở. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính về việc buộc Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất 297 không phải là đất 5% của ông L, bà T, là chưa có căn cứ vững chắc.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo trình bày của ông L, bà T, nguyên nguồn gốc của thửa đất 297 và thửa đất 324 trên đất có 14 ngôi mộ của họ tộc ông L, bà T là 2 thửa đất liền kề nhau là do ông Nội của ông L mua lại của vợ chồng ông X vào năm 1900; sau đó để lại cho cha ông L và tiếp đến để lại cho vợ chồng ông L sử dụng liên tục từ đó cho đến hiện nay (Trước thời điểm khiếu nại năm 2017). Điều này phù hợp với Bản ý kiến ngày 24/12/2019, Đơn xác nhận của ông Bùi Văn Lộc ngày 11/11/2019 và Biên bản kiểm tra thực địa ngày 04/10/2019 là chủ sử dụng đất liền kề của ông L. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: theo Sổ dã ngoại năm 1994 (BL 100) thì thửa 297 của ông L không ghi là đất 5%, trong khi đó các thửa 299, 301, 322, 323 lại ghi là đất 5%; tại Kết luận Thanh tra số 01/ KL-TTT ngày 20/01/2017, kèm theo Biểu thống kê chi tiết các thửa đất công ích (đất 5%) do UBND xã V quản lý có xác nhận của Chủ tịch UBND xã V ngày 03/11/2016 (BL 117, BL 126) có phần đất các hộ chưa ký hợp đồng thuê đất tại khu vực Đất lớn 1, gồm

các thửa: 246, 299, 322, 323, 358, 353, 352 nhưng không có thửa 297 và thửa 324 của ông L; đồng thời, tại Công văn (mật) số 08/TTT-P4 ngày 19/02/2020 và Công văn số 170/TTT-P4 ngày 04/5/2020 của Thanh tra nhà nước tỉnh Khánh Hoà cũng xác định không có thửa đất 297, tờ bản đồ 05 tại xã V thuộc đất công ích (đất 5%) do Ủy ban nhân dân xã V quản lý. Ngoài ra, tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND xã V cũng xác định hiện nay không có lưu giữ các hợp đồng cho thuê thửa đất 297 và các biên lai, chứng từ biên lai thu phí ông L nộp sản lượng giao khoán. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng Kết luận Thanh tra số 01/ KL-TTT ngày 20/01/2017 và Công văn số 08/TTT-P4 ngày 19/02/2020 xác định không có thửa đất 297, tờ bản đồ 05 tại xã V thuộc đất công ích (đất 5%) do Ủy ban nhân dân xã V quản lý là xác minh chưa đầy đủ; xét thấy, nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là thiếu căn cứ, chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Ý kiến tranh luận của Luật sư, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T là có cơ sở, cần chấp nhận kháng cáo của ông L, bà T sửa Bản án hành chính sơ thẩm vì chưa đủ căn cứ.

[6] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố N và Ủy ban nhân dân xã V mỗi đơn vị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 132, Điều 204 của Luật Đất đai; Điều 17, Điều 18 của Luật giải quyết khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T, hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 8908/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) vì chưa có đủ căn cứ;

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T, buộc Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất 297 (920m²), tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất công ích 5%; yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thành phố N xem xét, căn cứ vào tài liệu, hồ sơ xác định quyền sử dụng đất theo đúng pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T buộc Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân thành phố N xác định thửa đất 324 (135m²), tờ bản đồ số 05 xã V không thuộc đất công ích 5%.

5. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố N và Ủy ban nhân dân xã V mỗi đơn vị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001114 ngày 31/12/2019, 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001277 ngày 20/07/2020 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001329 ngày 6/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông